

Số: 477/QĐ-KCNĐN

Đồng Nai, ngày 12 tháng 11 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Nhà máy may và gia công các sản phẩm, phụ kiện dùng cho ngành giày (may và gia công may cả phụ kiện cho giày, công suất 10.000.000 đôi/năm; sản xuất giày mẫu, công suất 9.600 đôi/năm; may các chi tiết giày thành giày thành phẩm, công suất 1.250.000 đôi/năm)” của Công ty TNHH August Sports tại Đường số 8, KCN Tam Phước, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

TRƯỞNG BAN BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Căn cứ Quyết định số 34/2021/QĐ-UBND ngày 12/8/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các KCN Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 5062/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc ủy quyền Ban Quản lý các KCN Đồng Nai tổ chức thực hiện thẩm định và phê duyệt báo cáo ĐTM đối với các dự án đầu tư trong KCN trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Theo văn bản số 4473/KCNĐN-MT ngày 19/10/2021 của Ban quản lý các KCN về việc thông báo kết quả thẩm định báo cáo ĐTM dự án của Công ty TNHH August Sports;

Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm văn bản giải trình số 01/August ngày 26/8/2021 của Công ty TNHH August Sports;


Theo đề nghị của Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường – Ban Quản lý các KCN Đồng Nai.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Nhà máy may và gia công các sản phẩm, phụ kiện dùng cho ngành giày (may và gia công may cả phụ kiện cho giày, công suất 10.000.000 đôi/năm; sản xuất giày mẫu, công suất 9.600 đôi/năm; may các chi tiết giày thành giày thành phẩm, công suất 1.250.000 đôi/năm)” tại Đường số 8, KCN Tam Phước, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (sau đây gọi là Dự án) được lập bởi Công ty TNHH August Sports (sau đây gọi là Chủ dự án) với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có các trách nhiệm thực hiện nghiêm túc các yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Điều 1 Quyết định này và các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước cấp có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định phê duyệt số 325/QĐ-BQLĐN ngày 13/9/2019 của Ban quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai. 

Nơi nhận:

- Chủ dự án;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để báo cáo);
- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Sở Tài nguyên và Môi trường (phối hợp);
- UBND thành phố Biên Hòa (phối hợp);
- Cty CP Phát triển khu công nghiệp Tín Nghĩa (phối hợp);
- Các Phó Trưởng Ban (phối hợp chỉ đạo);
- Các Phòng, bộ phận (thực hiện);
- Website BQL;
- Lưu VT, MT (NT).

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**



Lê Văn Danh

Phụ lục

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
“Nhà máy may và gia công các sản phẩm, phụ kiện dùng cho ngành giày
(may và gia công may cả phụ kiện cho giày, công suất 10.000.000 đôi/năm;
sản xuất giày mẫu, công suất 9.600 đôi/năm; may các chi tiết giày thành
giày thành phẩm, công suất 1.250.000 đôi/năm)” của Công ty TNHH
August Sports tại đường số 8, KCN Tam Phước,
thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

(Kèm theo Quyết định số...477.../QĐ-KCNĐN ngày...12 tháng 11 năm 2021
của Trưởng ban Quản lý các KCN Đồng Nai)

1. Thông tin về Dự án:

1.1. Chủ Dự án: Công ty TNHH August Sports.

Địa chỉ liên hệ: Đường số 8, KCN Tam Phước, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

1.2. Vị trí Dự án: Đường số 8, KCN Tam Phước, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

1.3. Diện tích đất sử dụng: 30.032,7 m².

1.4. Quy mô, công suất của Dự án:

May và gia công các sản phẩm, phụ kiện dùng cho ngành giày (may và gia công may cả phụ kiện cho giày, công suất 10.000.000 đôi/năm; sản xuất giày mẫu, công suất 9.600 đôi/năm; may các chi tiết giày thành giày thành phẩm, công suất 1.250.000 đôi/năm).

1.5. Công nghệ sản xuất của Dự án:

- Quy trình in Logo mặt giày: Nguyên liệu → Cắt/chặt → (1)/(2) → Đóng gói → Nhập kho, xuất hàng.

(1) In Logo tự động → QC kiểm phẩm.

(2) In Logo thủ công → QC kiểm phẩm → Làm khô tự nhiên trong 12 giờ.

- Quy trình gia công may mũ giày: Các chi tiết của mũ giày → May nguyên liệu → QC kiểm phẩm, đóng gói → Mũ giày bán thành phẩm → Nhập kho, xuất hàng.

- Quy trình sản xuất giày mẫu: (1) + (2) + (3) → Gò ráp vào phom → kẻ định vị → Gò ráp vào đế → Kiểm tra, gỡ phom → Đóng gói → Thành phẩm.

(1) Đế ngoài/đế EVA → Quét keo và sấy → Dán đế → Đế hoàn.

(2) Vải, da các loại → cắt/chặt → Quét keo, dán → may → Đục lỗ, khâu dây → Mũ giày hoàn thiện.

(3) Phom, tẩy.

- Quy trình may các chi tiết thành giày thành phẩm: Nguyên liệu → May các chi tiết giày → Dán đế giày, sấy → Lắp ráp sản phẩm → Kiểm tra, đóng gói

→ Nhập kho, thành phẩm.

Dự án sử dụng máy móc thiết bị hiện hữu (còn hoạt động tốt), phân bổ sung mục tiêu sử dụng máy móc mới 100% chưa qua sử dụng; không sử dụng phế liệu trong quá trình sản xuất.

1.6. Các hạng mục công trình chính của dự án:

- Tổng diện tích các hạng mục công trình chính là 15.847 m².
- Diện tích đất bố trí trồng cây xanh, thảm cỏ: 6.007 m², chiếm 21,68% diện tích đất (30.032,7 m²).

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ Dự án:

2.1. Các tác động môi trường chính của Dự án:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ quá trình hoạt động của công nhân viên tại Nhà máy; nước thải phát sinh từ quá trình vệ sinh văn phòng, nhà ăn; nước thải từ quá trình sản xuất (từ quá trình vệ sinh thiết bị máy in chứa các chất rắn lơ lửng, các hợp chất vô cơ như acid, bazo vô cơ, các tạp chất lẫn,...).

- Bụi, khí thải phát sinh từ quá trình sản xuất (bụi vải, bụi da từ quá trình may, quá trình gò ráp, hơi dung môi, hơi keo từ quá trình pha mực in, in logo), từ các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu và sản phẩm.

- Chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động sản xuất.

2.2. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

- Bụi, khí thải phát sinh từ quá trình may thêu mũ giày, mài phom, mài đế, mài mũ giày để quét keo. Thành phần chủ yếu là bụi.

- Hơi dung môi, hơi keo từ quá trình pha mực in, in logo (bằng tay), quá trình quét keo, sấy keo giày. Thành phần chủ yếu là các chất hữu cơ bay hơi (VOC_s) trong Các loại hóa chất như keo, chất làm cứng, chất xử lý có thành phần chính là chất kết dính (polymer) và dung môi hữu cơ như Ethyl Ethanoate, Hexan, 1,6-diisocyanato, Methyl Acetone, Acrylic acid – vinyl acetate, Butanone,... chiếm tỷ lệ từ 15 – 85%.

2.3. Quy mô, tính chất của nước thải:

- Nước thải sinh hoạt và nhà ăn: Khoảng 36 m³/ngày.đêm (300 người). Thông số đặc trưng: Chất rắn lơ lửng (TSS), BOD₅, COD, Amoni, Tổng Nitơ (N), Tổng Phốt pho (P), Dầu mỡ động thực vật; Coliform.

- Nước thải sản xuất: Nước thải sản xuất từ quá trình vệ sinh thiết bị máy in chứa các chất rắn lơ lửng, các hợp chất vô cơ như acid, bazo vô cơ, các tạp chất lẫn,... Lưu lượng phát sinh 6 m³/ngày.

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh trong quá trình sản xuất với khối lượng khoảng 2.546,9 kg/tháng, bao gồm: các loại vải vụn, da vụn, chỉ vụn, ống chỉ từ quá trình cắt, chặt, may gia công, bao bì đóng gói, thùng carton,

mút xốp, dây nịch kiện hàng, và lon phế liệu, giấy thải,...

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân viên phát sinh khoảng 3.900 kg/tháng, bao gồm: bao bì, vỏ lon nước giải khát, hộp đựng thức ăn, thức ăn thừa,...

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

- Khối lượng: khoảng 10.030 kg/năm.

- Thành phần: Mực in, hộp mực in thải; bóng đèn huỳnh quang thải; dầu nhớt thải; giẻ lau, vải, chất hấp thụ nhiễm thành phần nguy hại thải (dính dầu và hoá chất, . . .); thùng đựng dầu nhớt thải, hoá chất,...

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án:

3.1. Công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải:

- Lắp đặt 01 Hệ thống xử lý hơi dung môi từ quá trình pha mực in, in logo (thủ công) công suất 30.000 m³/giờ (*hiện hữu*).

- Lắp đặt 01 Hệ thống xử lý hơi dung môi từ quá trình quét keo, sấy keo tại khu vực sản xuất giày mẫu công suất 7.500 m³/giờ (*hiện hữu*).

- Lắp đặt 01 Hệ thống xử lý hơi dung môi từ quá trình quét keo, sấy keo tại khu vực sản xuất giày thành phẩm công suất 30.000 m³/giờ (*lắp đặt mới*).

3.2. Về thu gom và xử lý nước thải:

- Hệ thống thoát nước mưa của dự án đã được xây dựng tách riêng với hệ thống thoát nước thải và được đấu nối với hệ thống thoát nước mưa của KCN tại 01 điểm trên đường số 8 của KCN Tam Phước.

- Nước thải sinh hoạt (sau xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 03 ngăn) và nhà ăn, nước thải từ quá trình vệ sinh khuôn in, vệ sinh máy móc được thu gom về hệ thống xử lý nước thải cục bộ công suất 45 m³/ngày để xử lý trước khi đấu nối về nhà máy xử lý nước thải tập trung của KCN Tam Phước tại 01 vị trí đấu nối trên đường số 8.

- Bùn từ bể tự hoại được giao cho đơn vị có chức năng xử lý theo quy định.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

+ Thực hiện tách riêng triệt để tuyến thu gom, thoát nước mưa và nước thải của Dự án.

+ Đảm bảo toàn bộ nước thải được thu gom, xử lý đạt giới hạn tiếp nhận nước thải của KCN Tam Phước, trước khi đấu nối vào Nhà máy xử lý nước thải tập trung của KCN Tam Phước.

+ Bố trí vị trí đấu nối nước thải ở vị trí thuận lợi, minh bạch cho việc kiểm tra, giám sát.

+ Ký hợp đồng xử lý nước thải với Công ty đầu tư hạ tầng KCN Tam Phước.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải

sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Bố trí các thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt tại các khu vực có phát sinh và thu gom về khu lưu giữ chất thải sinh hoạt diện tích 30 m². Bố trí khu lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường có diện tích: 150 m² để lưu giữ tạm thời, sau đó được chuyển giao cho đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

+ Thu gom, xử lý các loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 về quản lý chất thải và phế liệu; Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường; có biện pháp kiểm soát, thu gom chất thải lỏng rò rỉ tại khu vực lưu giữ.

+ Ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý các loại chất thải rắn công nghiệp thông thường theo quy định.

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại (CTNH):

- Bố trí khu lưu giữ CTNH (diện tích 120 m²) để lưu giữ tạm thời, sau đó được chuyển giao cho đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

+ Thu gom, xử lý các loại chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại; có biện pháp kiểm soát, thu gom CTNH lỏng rò rỉ tại khu vực lưu giữ.

+ Ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý các loại chất thải nguy hại theo quy định.

3.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và các ô nhiễm khác:

Thực hiện biện pháp giảm thiểu tiếng ồn phát sinh từ hoạt động của dự án; thực hiện các biện pháp kiểm soát, giảm thiểu mùi hôi, không phát tán mùi hôi khó chịu hoặc gây ô nhiễm môi trường theo các biện pháp đã đề xuất trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã phê duyệt.

3.6. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

- Đảm bảo nguồn lực, trang thiết bị đáp ứng khả năng phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường; thực hiện quy định pháp luật về an toàn phòng cháy chữa

cháy, an toàn lao động, quản lý tài nguyên nước, an toàn hóa chất và các quy định pháp luật có liên quan khác.

- Xây dựng phương án, kế hoạch/biện pháp bảo vệ môi trường và phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất nguy hiểm trong công nghiệp trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định hiện hành.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của Dự án:

- 01 Hệ thống xử lý hơi dung môi từ quá trình pha mực in, in logo (thủ công) công suất 30.000 m³/giờ.

- 01 Hệ thống xử lý hơi dung môi từ quá trình quét keo, sấy keo tại khu vực sản xuất giấy mẫu công suất 7.500 m³/giờ.

- 01 Hệ thống xử lý hơi dung môi từ quá trình quét keo, sấy keo tại khu vực sản xuất giấy thành phẩm công suất 30.000 m³/giờ.

- 01 Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt 45 m³/ngày.

- 01 Khu lưu giữ chất thải sinh hoạt diện tích 30 m².

- 01 Khu lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường diện tích 150 m².

- 01 Khu lưu giữ chất thải nguy hại diện tích 120 m².

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Dự án:

5.1. Giám sát nước thải:

+ Vị trí 1: 01 điểm tại hồ ga đầu nối nước thải. Thông số giám sát: pH, Độ màu, SS, BOD₅, COD, Amoni, sunfua, clorua, tổng Nito, tổng Phospho, dầu mỡ khoáng, Coliform.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

Quy định áp dụng: Giới hạn tiếp nhận nước thải theo báo cáo ĐTM đã được phê duyệt của KCN Tam Phước.

5.2. Giám sát khí thải:

- Vị trí:

+ KT1: 01 điểm tại ống thải hệ thống xử lý hơi dung môi. Thông số giám sát: Bụi, lưu lượng, n-hexan.

+ KT2: 01 điểm tại ống thải sau hệ thống xử lý hơi keo 01. Thông số giám sát: Lưu lượng, Ethyl Acetate, phenol, methylcyclohexan.

+ KT3: 01 điểm tại ống thải sau hệ thống xử lý hơi keo 02. Thông số giám sát: Lưu lượng, Ethyl Acetate, phenol, methylcyclohexan.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2009/BTNMT, cột B, K_p (theo tổng lưu lượng nguồn thải), K_v = 0,6 và QCVN 20:2009/BTNMT.

5.3. Giám sát môi trường lao động:

Thực hiện theo quy định của Bộ Luật lao động và các quy định liên quan.

5.4. Giám sát chất thải rắn: Giám sát khối lượng chất thải rắn phát sinh, phân định, phân loại các loại chất thải rắn phát sinh để bảo quản theo quy định.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường:

6.1. Trong giai đoạn xây dựng, lắp đặt thiết bị của dự án:

Quản lý, kiểm soát, xử lý nước thải, chất thải rắn xây dựng, chất thải nguy hại và các loại chất thải đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật môi trường, quy định về quản lý chất thải xây dựng theo Thông tư số 08/2017/TT-BXD ngày 16/5/2017 của Bộ Xây dựng, quy định về quản lý chất thải nguy hại theo Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/06/2015 của Bộ Tài Nguyên và Môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan.

6.2. Trong giai đoạn vận hành dự án

- Thực hiện quan trắc nguồn thải, chế độ báo cáo và lưu giữ kết quả quan trắc môi trường theo đăng ký tại Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án và các quy định pháp luật hiện hành.

- Bảo đảm nguồn lực; trang thiết bị đáp ứng khả năng phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường; thực hiện quy định pháp luật về an toàn phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động, quản lý tài nguyên nước, an toàn hóa chất và các quy định pháp luật có liên quan khác.

- Đảm bảo diện tích cây xanh đạt tỷ lệ tối thiểu 20% theo quy định.

6.3. Trách nhiệm của chủ dự án

- Thực hiện và gửi thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải đầu tư phục vụ dự án cho Ban Quản lý các KCN Đồng Nai và Sở Tài nguyên và Môi trường trước ít nhất 20 ngày làm việc, kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm và báo cáo kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường cho Ban Quản lý các KCN để được kiểm tra, xác nhận hoàn thành trước khi đưa dự án vào vận hành chính thức theo quy định tại Khoản 10, Điều 1, Nghị định 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ.

- Thực hiện đầy đủ trách nhiệm của Chủ dự án sau khi Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt theo quy định tại khoản 7, 8, 9, 10 Điều 1, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ (quy định về trách nhiệm của chủ dự án sau khi báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt) và khoản 6, Điều 4 Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (quy định đối với Dự án đã đi vào vận hành có những thay đổi so với báo cáo ĐTM được duyệt).

- Trường hợp các quy chuẩn, tiêu chuẩn và quy định liên quan có sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo quy chuẩn, quy định mới./.

BAN QUẢN LÝ CÁC KCN ĐỒNG NAI.